TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-6-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Nguyễn Nam Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 05 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1085/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị Thu A; sinh năm 1991; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường C, quận D, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Anh Kim Do E; sinh năm 1972; nơi cư trú: #1394 G, H, I, Hàn Quốc; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn nộp 02/05/2018 và và các văn bản khác, nguyên đơn là chị Hoàng Thị Thu A trình bày: Chị A và anh Kim Do E kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 19/6/2015. Ngay sau khi kết hôn, cuộc sống chung vợ chồng đã không hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do tìm hiểu không kỹ, bất đồng về ngôn ngữ, không quan tâm đến nhau. Do chung sống không hạnh phúc nên anh Kim Do E hay uống rượu và cư xử với chị A không tốt. Cuối năm 2015 anh Kim Do E trở về Hàn Quốc và hai bên không còn liên lạc, không quan tâm đến nhau. Nay nhận thấy tình cảm đối với anh Kim Do E không còn, cuộc sống chung không

còn khả năng đoàn tụ nên chị A đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh Kim Do E để các bên có cơ hội tạo dựng cuộc sống khác.

Tại văn bản ngày 02/4/2018 đã được hợp pháp hóa lãnh sự, anh Kim Do E xác nhận mối quan hệ giữa anh Kim Do E và chị Hoàng Thị Thu A được xác lập như chị A trình bày. Trong thời gian anh Kim Do E và chị A tìm hiểu rồi đăng ký kết hôn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Chị A là người ít quan tâm đến anh Kim Do E. Do cuộc sống chung không có hạnh phúc nên anh Kim Do E hay uống rượu. Sau khi kết hôn với chị A anh Kim Do E trở về Hàn Quốc và một thời gian dài không liên lạc, không quan tâm đến nhau nên đồng ý ly hôn với chị A.

Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A và anh Kim Do E đều xác nhận không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; giữ nguyên lời trình bày tại bản tự khai và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh Kim Do E; về con chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Do điều kiện ở xa, không thể có mặt trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án, anh Kim Do E có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và xét xử vắng mặt. Đề nghị của anh Kim Do E phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận xét xử vụ án vắng mặt anh Kim Do E.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Kim Do E và chị A kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng vào năm 2015 nên là hôn nhân hợp pháp. Ngay thời gian đầu chung sống, quan hệ vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau. Nguyên nhân chính là do thời gian tìm hiểu ngắn, chưa kịp hiểu nhau đã kết hôn nên tình cảm dành cho nhau và sự quan tâm

không nhiều. Thêm vào đó, do bất đồng ngôn ngữ, phong tục tập quán, lối sống khác nhau nên ảnh hưởng nhiều đến quan hệ giữa các bên. Cuối năm 2015, anh Kim Do E về nước, các bên không còn liên lạc, không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã sâu sắc, không còn khả năng khắc phục; cả chị A và anh Kim Do E đều thống nhất ly hôn; quan điểm của chị A và anh Kim Do E phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa họ và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị A.

[4] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A và anh Kim Do E xác nhận, quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật tại Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị Thu A được ly hôn với anh Kim Do E.

2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị Hoàng Thị Thu A và anh Kim Do E xác nhận, quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Hoàng Thị Thu A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 10702 ngày 07 tháng 5 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Chị Hoàng Thị Thu A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Hoàng Thị Thu A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 01 tháng (Một tháng) kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ , anh Kim Do E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Phương